

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 1224/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26/11/2018

V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuân Hương

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Chính.

2. Bà Trần Thị Bích Hợp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Trúc Phương là Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Thị Hoàng Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 973/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2018/QĐXX-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15/11/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim B, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: 59 đường PTM, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định.

Bị đơn: Anh Bùi Đức T, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: 59 đường PTM, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định.

(Các bên đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 9 năm 2018 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim B trình bày: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu được gia đình tổ chức lễ cưới và sống chung vào năm 1993, sau đó mới đăng ký kết hôn tại UBND phường H, TP. Quy Nhơn vào ngày 17/3/1994. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T tính tình nóng nảy, có hành vi bạo lực đối với chị, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau (chị đã nhiều lần báo cáo chính quyền địa phương can thiệp nhưng vì các con chị đã cho anh T cơ hội để thay đổi nhưng không được). Gần đây nhất là vào ngày 06/9/2018 anh T đánh chị phải nhập viện để điều trị. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2015 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa chị và anh

T không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung tên Bùi Đức T, sinh ngày 26/7/2015 và Bùi Nguyễn Phương L, sinh ngày 28/11/2004; Bùi Thị Phương T 14/10/1993. Ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con tên Bùi Đức T, sinh ngày 26/7/2015 và giao cháu Bùi Nguyễn Phương L, sinh ngày 28/11/2004 cho anh T nuôi dưỡng nếu cháu Ly đồng ý; riêng con chung tên Bùi Thị Phương T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết, vợ chồng không có nợ chung.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 25.9.2018 và các lời khai tiếp theo anh Bùi Đức T trình bày:* Anh thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như chị B trình bày là đúng. Tuy nhiên, anh nghi ngờ chị B có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Hiện nay, chị B đang ở tại 59 đường PTM, TP.Quy Nhơn còn anh đang ở tại tổ 45, KV8, phường H, TP.Quy Nhơn, anh thường xuyên qua lại để thăm con, vợ chồng chưa sống ly thân. Tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh còn thương yêu vợ nên không đồng ý ly hôn với chị B.

Về con chung: Anh thống nhất như lời trình bày của chị B. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Nguyễn Phương L, sinh ngày 28/11/2004 và giao chị B trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Đức T, sinh ngày 26/7/2015. Riêng con chung tên Bùi Thị Phương T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết, không có nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim B và bị đơn anh Bùi Đức T đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim B xin ly hôn anh Bùi Đức T.

Về con chung: Chị B và anh T thống nhất có 03 con chung tên Bùi Đức T, sinh ngày 26/7/2015, Bùi Nguyễn Phương L, sinh ngày 28/11/2004 và Bùi Thị Phương T 14/10/1993. Ly hôn, chị B và anh T thỏa thuận chị B được trực tiếp nuôi

dưỡng con tên Bùi Đức T, sinh ngày 26/7/2015, anh T nuôi dưỡng con tên Bùi Nguyễn Phương L, sinh ngày 28/11/2004, nguyện vọng của cháu L muốn ở với chị Bông nên giao cháu L cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng; riêng con tên Bùi Thị Phương T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Chị B và anh T không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án có quan hệ “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Kim B và anh Bùi Đức T tự nguyện đăng ký kết hôn tại phường H, TP.Quy Nhơn vào ngày 17/3/1994, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị B, anh T sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng trong cuộc sống vợ chồng, anh chị thiếu niềm tin lẫn nhau, anh T nghi ngờ chị B ngoại tình. Từ năm 2015 anh chị đã sống ly thân, không ai có trách nhiệm với ai. Trong quá trình làm việc Tòa cũng đã kiên trì hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng chị B vẫn kiên quyết xin ly hôn, còn anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp hữu hiệu để hàn gắn. Tòa đã xác minh tại địa phương nơi anh chị đang sinh sống thì được biết anh chị thường xuyên cãi vã, làm mất trật tự tại địa phương, chính quyền địa phương đã nhiều lần hòa giải. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị B.

- Về con chung: Chị B và anh T thống nhất có 03 con chung tên Bùi Đức T, sinh ngày 26/7/2015; Bùi Nguyễn Phương L, sinh ngày 28/11/2004 và Bùi Thị Phương T sinh ngày 14/10/1993. Chị B và anh T thỏa thuận chị B được trực tiếp nuôi dưỡng con tên Bùi Đức T, sinh ngày 26/7/2015, anh T nuôi dưỡng con tên Bùi Nguyễn Phương L, sinh ngày 28/11/2004, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Theo nguyện vọng của cháu L muốn ở với chị B. Do đó, giao cháu L, T cho chị B nuôi dưỡng, chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; riêng con tên Bùi Thị Phương T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Chị B và anh T thống nhất thỏa thuận về tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Bông phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28,35,39,147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2006/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Kim B được ly hôn anh Bùi Đức T.
2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Bùi Nguyễn Phương L, sinh ngày 28/11/2004 và Bùi Đức T sinh ngày 26/7/2015 cho chị Nguyễn Thị Kim B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không bên nào được ngăn cản.

3. Về chia tài sản chung: Chị B và anh T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim B phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000395 ngày 25/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn (Chị B đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSNDTP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn;
- UBND P. H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đoàn Thị Xuân Hương